

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 20.11.2021

KHỔ ĐAU VÀ LỐI THOÁT NẴM Ở ĐÂU?
Kinh Rohitassa (Rohitassasuttam)

CHƯƠNG II. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ, PHẨM CÁC NGOẠI ĐẠO (S.i, 61)

Người ta thường quan niệm đau khổ gắn liền với không gian và thời gian. Chỗ này đau khổ thì có nơi khác hết khổ đau. Kiếp này phiền muộn thì chờ kiếp sau sẽ nhẹ bước thang mây. Thiên tử Rohitissa từ sự nhớ nghĩ về kiếp tiền thân đã hỏi Đức Phật một câu then chốt của đời sống là đi đến nơi nào để chấm dứt hoàn toàn đau khổ. Nói cách khác là đi tới đâu trong vũ trụ này để thoát hiện tượng sanh diệt luân quanh. Đức Phật dạy đó là điều bất khả. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là không có con đường thoát khổ mà phải đặt vấn đề ngược lại. Thế giới mà thiên tử Rohitissa quan niệm là vũ trụ bao la vô vàn tinh tú (cakkavāḷaloka) . Cho dù có sống thật lâu với thần lực đi nhanh hơn vận tốc ánh sáng cũng không thể tìm đến điểm tận cùng của vũ trụ. Thế giới mà Đức Phật dạy là thế giới của pháp hữu vi (saṅkhāraloka); của năm uẩn; của sự tạo thành do tương tác giữa căn, cảnh và xúc. Ở tự thân của mỗi chúng sanh thế giới của năm uẩn, của hữu vi pháp được quán triệt. Hơn thế nữa là sự tìm thấy chân lý về sự khổ, nhân sanh khổ, sự diệt khổ, và con đường đưa tới sự diệt khổ. Phật ngôn: “ Dù vậy này hiền giả, Ta nói rằng không đi đến sự tận cùng của thế giới thì không thể chấm dứt khổ đau. Này hiền giả, chính trong thân xác cao một sải tay này với tưởng, với tâm ý Ta nói về thế giới, sự sanh khởi của thế giới, sự chấm dứt và con đường dẫn đến chấm dứt”. Ngài Bodhi khi dịch đoạn kinh này đã chú thích: Lời tuyên bố súc tích này của Đức Phật có thể dễ dàng là lời dạy thâm thúy nhất trong lịch sử tư tưởng của nhân loại. (This pithy utterance of the Buddha, which may well be the most profound proposition in the history of human thought)



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ.

Tại Sāvattthī (Xá-vệ).

Ekamantaṃ ʈhito kho rohitasso devaputto bhagavantaṃ etadavoca –
Đứng một bên, Thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

“yattha nu kho, bhante, na jāyati na jīyati na mīyati [na jīyyati na miyyati (syā. kaṃ. ka.)] na cavati na upapajjati, sakkā nu kho so, bhante, gamanena lokassa anto ñātuṃ vā daṭṭhuṃ vā pāpuṇituṃ vā”ti?

-- Bạch Thế Tôn, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, làm sao, bạch Thế Tôn, với bộ hành, có thể biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới?

“Yattha kho, āvuso, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, nāhaṃ taṃ gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ daṭṭheyyaṃ patteyyanti vadāmi”ti.

-- Nay Hiền giả, tại chỗ nào không có sanh, không có già, không có chết, không có diệt, không có khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể với bộ hành, biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới.

“Acchariyaṃ, bhante, abbhutaṃ, bhante! Yāvasubhāsitaṃ, bhante, bhagavatā – ‘yattha kho, āvuso, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, nāhaṃ taṃ gamanena lokassa antaṃ ñāteyyaṃ daṭṭheyyaṃ patteyyanti vadāmi’ti.

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Nay Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể với bộ hành biết được, hay thấy được, hay đạt được sự tận cùng của thế giới".

“Bhūtapubbāhaṃ, bhante, rohitasso nāma isi ahoṣiṃ bhojaputto iddhimā vehāsaṅgamo. Tassa mayhaṃ, bhante, evarūpo javo ahoṣi; seyyathāpi nāma daḷhadhammā [daḷhadhammo (sabbattha) ʈikā ca moggallānabyākaraṇaṃ ca oloketabbāṃ] dhanuggaho susikkhito katahattho katayoggo katūpāsano lahukena asanena appakasireneva tiriyaṃ tālacchāyaṃ atipāteyya.

Bạch Thế Tôn, thuở trước, con tên là Rohita con của Bhoja, có thần thông, có thể đi giữa hư không. Bạch Thế Tôn, tốc lực con mau lẹ cho đến con có thể bay, như người

thọ bản cung lão luyện, khéo tập, khéo luyện, thuần thực, thiện xảo, với một cây cung chắc mạnh không gì khó khăn, có thể bắn một mũi tên nhẹ bay vượt qua bóng tối của cây tala.

Tassa mayhaṃ, bhante, evarūpo padavītihāro ahoṣi; seyyathāpi nāma puratthimā samuddā pacchimo samuddo. Tassa mayhaṃ, bhante, evarūpaṃ icchāgataṃ uppajji – ‘ahaṃ gamanena lokassa antaṃ pāpuṇissāmi’ ti.

Và bạch Thế Tôn, bước đi của con dài cho đến con có thể bước từ biển phía Đông qua biển phía Tây. Và ở nơi con, bạch Thế Tôn, khởi lên sự ước muốn như sau: "Với bộ hành, ta có thể đạt đến được sự tận cùng của thế giới".

So khvāhaṃ, bhante, evarūpena javena samannāgato evarūpena ca padavītihārena aññatreva asita-pīta-khāyita-sāyitā aññatra uccārapassāvakkammā aññatra niddākilamathapaṭivindanā vassasatāyuko vassasatajīvī vassasataṃ gantvā appatvāva lokassa antaṃ antarāva kālaṅkato.

Và bạch Thế Tôn, dầu cho tốc lực của con mau đến như vậy, và dầu cho con có bước dài đến như vậy, và dầu cho con không có dừng để ăn, hay uống, hay nhai, hay nếm, dầu cho con không có đại tiện, tiểu tiện, dầu cho con không ngủ, không bị mệt nhọc, không trừ cầu uest, dầu cho trăm năm là tuổi thọ thường tình, dầu cho trăm năm là mạng sống thường tình, tuy con đi hơn trăm năm và bị mệnh chung, con cũng không thể đạt đến sự tận cùng của thế giới.

“Acchariyaṃ, bhante, abbhutaṃ, bhante! Yāvasubhāsitamidaṃ, bhante, bhagavatā – ‘yattha kho, āvuso, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, nāhaṃ taṃ gamanena lokassa antaṃ nāteyyaṃ datṭheyyaṃ patteyyanti vadāmi’” ti.

Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói lên điều khéo nói như vậy: "Này Hiền giả, tại chỗ nào không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi. Ta nói rằng tại chỗ ấy, không có thể bộ hành, biết được hay thấy được sự tận cùng của thế giới. Ta nói như vậy".

“Na kho panāhaṃ, āvuso, appatvā lokassa antaṃ dukkhassa antakiriyaṃ vadāmi. Api ca khvāhaṃ, āvuso, imasmiṃyeva byāmamatte kaḷevare sasaññimhi samanake lokaṅca paññapemi lokasamudayaṅca lokanirodhaṅca lokanirodhagāminiṅca paṭipadanti.

-- Này Hiền giả, nhưng Ta cũng không nói rằng không đạt được sự tận cùng của thế giới thời chấm dứt cuộc khổ đau. Này Hiền giả, chính trong cái thân thể dài một tầm có tướng, có ý này, Ta tuyên bố thế giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới.

Hiệu đính:

Dù vậy này hiền giả, Ta nói rằng không đi đến sự tận cùng của thế giới thì không thể chấm dứt khổ đau. Này hiền giả, chính trong thân xác cao một sải tay này với tường, với tâm ý Ta nói về thế giới, sự sanh khởi của thế giới, sự chấm dứt và con đường dẫn đến chấm dứt.

**“Gamanena na pattabbo, lokassanto kudācanam;
Na ca appatvā lokantaṃ, dukkhā atthi pamocanam.**

**“Tasmā have lokavidū sumedho,
Lokantagū vusitabrahmacariyo;
Lokassa antaṃ samitāvi ñatvā,
Nāsīsati lokamimaṃ parañcā”ti.**

“Bộ hành không bao giờ
Đạt được thế giới tận,
Không đạt thế giới tận,
Không thể thoát khỏi khổ.

“Do vậy, bậc Hiền thiện,
Thế gian giải, Thiện tuệ,
Đạt đến thế giới tận,
Phạm hạnh được viên thành.
Với tâm tư định tĩnh,
Biết được thế giới tận,
Không ước vọng đời này,
Không ước vọng đời sau.

Bản hiệu đính:

*“Không thể bằng du hành,
Đến tận cùng thế giới,
Nhưng không đến tận cùng,
Thì không thể thoát khỏi.*

*“Nên Đại sĩ toàn tri,
Đã viên mãn phạm hạnh,
Đã đến điểm tận cùng,
Liễu tri, tâm tịnh lặng,*

*Không ham muốn hy cầu,
Đời này hay đời sau.*



Thích văn

Gamanena na pattabbo = Không thể đạt được bằng du hành

lokassanto kudācanam = Đến tận cùng thế giới

Na ca appatvā lokantaṃ = Không vượt qua thế giới, không đi đến điểm tận cùng thế giới.

dukkhā atthi pamocanam = Thì vẫn còn đau khổ

Tasmā have lokavidū sumedho = Nên bậc đại trí Thế gian giải

Lokantagū vusitabrahmacariyo = Viên mãn phạm hạnh, đi đến tận cùng của thế giới

Lokassa antaṃ samitāvi ñatvā = An tịnh, biết được sự tận cùng của thế giới

Nāsīsati lokamimaṃ parañcā”ti = Không mong cầu cả đời này và đời sau.



Thích nghĩa

Theo Sớ giải thì thế giới mà thiên tử Rohitassa nói là thiên hà vũ trụ (cakkavāḷaloka) . Thế giới mà Đức Phật dạy là thế giới của pháp hữu vi (saṅkhāraloka).

Trong một đoạn kinh khác cũng thuộc Tương Ưng Bộ, Tôn giả Ananda giải thích thế giới mà Đức Phật dạy được các bậc thánh đệ tử lãnh hội là thế giới trải nghiệm của căn, cảnh và thức. Nói cách khác đó là sự hiện hữu của năm uẩn. Chính ở đây được nhận diện sự khổ, nhân sanh khổ, sự diệt khổ, và con đường dẫn tới diệt khổ.

**Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng**

6. Rohitassasuttam [Mūla]

107. Sāvattthinidānam. Ekamantaṃ t̥hito kho rohitasso devaputto bhagavantam etadavoca – ‘yattha nu kho, bhante, na jāyati na jīyati na mīyati [na jīyati na miyyati (syā. kaṃ. ka.)] na cavati na upapajjati, sakkā nu kho so, bhante, gamanena lokassa anto ñātum vā datṭhum vā pāpuṇitum vā’ ti? ‘Yattha kho, āvuso, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, nāham taṃ gamanena lokassa antam ñāteyyam datṭheyyam patteyyanti vadāmi’ ti.

‘Acchariyam, bhante, abbhutaṃ, bhante! Yāvasubhāsitamidaṃ, bhante, bhagavatā – ‘yattha kho, āvuso, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, nāham taṃ gamanena lokassa antam ñāteyyam datṭheyyam patteyyanti vadāmi’ ti.

‘Bhūtapubbāham, bhante, rohitasso nāma isi ahoṣiṃ bhojaputto iddhimā vehāsaṅgamo. Tassa mayhaṃ, bhante, evarūpo javo ahoṣi; seyyathāpi nāma daḷhadhammā [daḷhadhammo (sabbattha) t̥kā ca moggallānabyākaraṇam ca oloketabbam] dhanuggaho susikkhito katahattho katayoggo katūpāsano lahukena asanena appakasireneva tiriyaṃ tālacchāyaṃ atipāteyya. Tassa mayhaṃ, bhante, evarūpo padavītihāro ahoṣi; seyyathāpi nāma puratthimā samuddā pacchimo samuddo. Tassa mayhaṃ, bhante, evarūpaṃ icchāgataṃ uppajji – ‘ahaṃ gamanena lokassa antam pāpuṇissāmi’ ti. So khvāham, bhante, evarūpena javena samannāgato evarūpena ca padavītihārena aññatreva asita-pīta-khāyita-sāyitā aññatra uccārapassāvakkammā aññatra niddākilamathapaṭivindanā vassasatāyuko vassasatajīvī vassasataṃ gantvā appatvāva lokassa antam antarāva kālaṅkato.

‘Acchariyam, bhante, abbhutaṃ, bhante! Yāvasubhāsitamidaṃ, bhante, bhagavatā – ‘yattha kho, āvuso, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, nāham taṃ gamanena lokassa antam ñāteyyam datṭheyyam patteyyanti vadāmi’ ti.

‘Na kho panāham, āvuso, appatvā lokassa antam dukkhassa antakiriyaṃ vadāmi. Api ca khvāham, āvuso, imasmimyeva byāmamatte kaḷevare sasaññimhi samanake lokañca paññapemi lokasamudayañca lokanirodhañca lokanirodhagāminiñca paṭipadanti.

‘Gamanena na pattabbo, lokassanto kudācanam;
Na ca appatvā lokantaṃ, dukkhā atthi pamocanam.

‘Tasmā have lokavidū sumedho,
Lokantagū vusitabrahmacariyo;

Lokassa antaṃ samitāvi ñatvā,
Nāsīsati lokamimaṃ parañcā’’ti.

6. Rohitassasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

107. Chaṭṭhe yatthāti cakkavāḷalokassa ekokāse bhummaṃ. **Na cavati na upapajjati** idaṃ aparāparaṃ cutipaṭisandhivasena gahitaṃ. **Gamanenāti** padagamanena. **Nāhaṃ taṃ lokassa antanti** satthā saṅkhāralokassa antaṃ sandhāya vadati. **Ñāteyyanti**ādīsu ñātabbaṃ, daṭṭhabbaṃ, pattaḃbanti attho.

Iti devaputtēna cakkavāḷalokassa anto pucchito, satthārā saṅkhāralokassa kathito. So pana attano pañhena saddhiṃ satthu byākaraṇaṃ sametīti saññāya pasamsanto **acchariyanti**ādīmāha.

Dalhadhammoti dalhadhanu, uttamappamāṇena dhanunā samannāgato. **Dhanuggahoti** dhanuācariyo. **Susikkhitoti** dasa dvādasa vassāni dhanusippaṃ sikkhito. **Katahatthoti** usabhappamāṇepi vālaggaṃ vijjhitaṃ samatthabhāvena katahattho. **Katūpāsānoti** katasarakkhepo dassitasippo. **Asanenāti** kaṇḍena. **Atipāteyyāti** atikkameyya. Yāvatā so tālacchāyaṃ atikkameyya, tāvatā kālena ekacakkavāḷaṃ atikkamāmīti attano jivasampattiṃ dasseti.

Puratthimā samuddā pacchimoto yathā puratthimasamuddā pacchimasamuddo dūre, evaṃ me dūre padavītiḥāro ahoṣīti vadati. So kira pācīnacakkavāḷamukhavatṭiyaṃ tṭhito pādaṃ pasāretvā pacchimacakkavāḷamukhavatṭiyaṃ akkamati, puna dutiyaṃ pādaṃ pasāretvā paracakkavāḷamukhavatṭiyaṃ akkamati. **Ichhāgatanti** icchā eva. **Aññatrevāti** nippapañcataṃ dasseti.

Bhikkhācārakāle kiresa nāgalatādantakaṭṭhaṃ khādīvā anotate mukhaṃ dhovivā kāle sampatte uttarakurumhi piṇḍāya carivā cakkavāḷamukhavatṭiyaṃ nisinna bhattakiccaṃ karoti, tattha muhuttaṃ vissamivā puna javati. **Vassasatāyukoti** tadā dīghāyukakālo hoti, ayaṃ pana vassasatāvasiṭṭhe āyumiḥi gamaṇaṃ ārabhi. Vassasatajīvīti taṃ vassasataṃ anantarāyena jīvanto. **Antarāva kālaṅkatoti** cakkavāḷalokassa antaṃ appatvā antarāva mato. So pana tattha kālaṃ katvāpi āgantvā imasmiṃyeva cakkavāḷe nibbatti. **Appatvāti** saṅkhāralokassa antaṃ appatvā. **Dukkhasāti** vaṭṭadukkhassa. Antakiriyanti pariyantakaraṇaṃ. **Kaḷevareti** attabhāve. **Sasaññimhi samanaketi** sasaññe sacitte. **Lokanti** dukkhasaccaṃ. **Lokasamudayanti** samudayasaccaṃ. **Lokanirodhanti** nirodhasaccaṃ. **Paṭipadanti** maggasaccaṃ. Iti – ‘‘nāhaṃ, āvuso, imāni cattāri saccāni tiṇakaṭṭhādīsu paññapemi,

imasmim̐ pana cātumahābhūṭike kāyasmim̐ yeva paññapemī''ti dasseti. **Samitāvīti** samitapāpo. **Nāsīsatīti** na pattheti. Chaṭṭhaṃ.

108-109. Sattamaṭṭhamāni vuttatthāneva. Sattamaṃ, aṭṭhamaṃ.